

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐỒ TIẾN CẦN

**CÁC TỈNH ỦY, THÀNH ỦY Ở VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM
MIỀN TRUNG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC
CHẤT LƯỢNG CAO HIỆN NAY**

Ngành: Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước

Mã số: 9310202

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
XÂY DỰNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC**

HÀ NỘI, 2025

Công trình được hoàn thành tại:

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS, TS. Trần Thanh Giang

2. PGS. TS. Đỗ Ngọc Ninh

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Bộ môn, tại: Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
- Thư viện Quốc gia Việt Nam.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đang phát triển rất mạnh mẽ và đang bước vào thời kỳ phát triển mới với mục tiêu: “Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao”. Đạt được mục tiêu đó, cần phải tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, các cấp ủy, trong đó có sự lãnh đạo của tỉnh, thành ủy ở các vùng kinh tế trọng điểm của đất nước. Đây là vấn đề rất cấp thiết.

Vùng kinh tế trọng điểm (VKTĐ) miền Trung nước ta bao gồm 05 tỉnh, thành phố: thành phố Đà Nẵng (thành phố trực thuộc Trung ương); bốn tỉnh là tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định. Đây là một trong bốn vùng kinh tế trọng điểm của cả nước; là vùng kinh tế phát triển chậm nhất so với các vùng kinh tế trọng điểm khác. Việc phát triển NNLCLC sự là vấn đề rất trọng yếu đối với các tỉnh, thành phố ở VKTĐ miền Trung; là nhiệm vụ trọng tâm và rất cấp thiết trong sự lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy ở Vùng kinh tế trọng điểm này.

Đối với lĩnh vực lãnh đạo phát triển NNLCLC, quán triệt sâu sắc các chủ trương, nghị quyết của Đảng, các tỉnh ủy, thành ủy ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đã tích cực chủ động lãnh đạo tổ chức thực hiện. Chính sự quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nên lĩnh vực phát triển NNLCLC của Vùng kinh tế đã đạt những kết quả bước đầu; góp phần quan trọng vào sự phát triển KT-XH của các tỉnh, thành phố và kết quả của công cuộc đổi mới ở địa phương.

Tuy nhiên, sự lãnh đạo phát triển NNL, nhất là NNLCLC của các tỉnh ủy, thành ủy còn những hạn chế, yếu kém: vẫn còn tình trạng nhiều cấp ủy, cấp ủy viên cấp cơ sở và cấp huyện và một số cấp ủy viên cấp tỉnh chưa nhận thức chưa đầy đủ và sâu sắc về vị trí, vai trò của NNL, NNLCLC đối với sự phát triển mọi mặt của địa phương và của Vùng kinh tế; vẫn thiếu những chủ trương của tỉnh ủy, thành ủy có tính chiến lược, đột phá trong phát triển NNLCLC; việc thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng về phát triển NNLCLC còn chậm, còn nhiều khó khăn, vướng mắc, bất cập nên có những nghị quyết chưa thực sự đi vào cuộc sống, hiệu quả thấp, chưa tạo nên sự chuyển biến đồng đều giữa các giai đoạn, nhiệm kỳ trong một địa phương cũng như toàn Vùng.

Vì vậy, nghiên cứu một cách cơ bản, hệ thống và tìm giải pháp khả thi phát huy ưu điểm, khắc phục những hạn chế, yếu kém, khuyết điểm, tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy ở VKTĐ miền Trung trong thời kỳ phát triển mới của đất nước thực sự là vấn đề rất cấp thiết cả về lý luận lẫn thực tiễn.

Để góp phần thực hiện thắng lợi vấn đề cấp thiết nêu trên, nghiên cứu sinh chọn và thực hiện đề tài luận án tiến sĩ: ***“Các tỉnh ủy, thành ủy ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung lãnh đạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao hiện nay”***.

2. Mục đích, nhiệm vụ của luận án

2.1. Mục đích của luận án

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về sự lãnh đạo của tỉnh ủy, thành ủy ở VKTĐ miền Trung đối với phát triển NNLCLC hiện nay, đề tài luận án đề xuất các giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy đối với công tác này đến năm 2035 định hướng đến năm 2045.

2.2. Nhiệm vụ của luận án

- Tổng quan tình hình nghiên cứu ở nước ngoài và trong nước liên quan đến đề tài luận án.

- Luận giải, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về sự lãnh đạo của tỉnh ủy, thành ủy ở VKTTĐ miền Trung đối với phát triển>NNLCLC hiện nay

- Đánh giá thực trạng>NNLCLC ở các tỉnh, thành phố ở VKTTĐ miền Trung; thực trạng sự lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy ở Vùng này đối với phát triển>NNLCLC trong những năm qua, chỉ ra ưu điểm, hạn chế, khuyết điểm; nguyên nhân và kinh nghiệm.

- Đề xuất phương hướng và những giải pháp chủ yếu.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Các tỉnh ủy, thành ủy ở VKTTĐ miền Trung lãnh đạo phát triển>NNLCLC.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Luận án khảo sát, đánh giá thực trạng lãnh đạo phát triển>NNLCLC của các tỉnh ủy, thành ủy ở VKTTĐ miền Trung, gồm Thành phố Đà Nẵng và các tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định.

Về thời gian: Cùng với việc khảo sát, đánh giá thực trạng nêu trên, luận án đề xuất phương hướng và giải pháp có giá trị đến năm 2035, định hướng đến năm 2045.

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của luận án là chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng ta về lãnh đạo GD-ĐT, KH-CN,>NNL,>NNLCLC và lãnh đạo các lĩnh vực đời sống xã hội.

4.2. Cơ sở thực tiễn

Cơ sở thực tiễn của luận án là thực trạng phát triển>NNLCLC ở các tỉnh, thành phố ở VKTTĐ miền Trung và thực trạng lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy Vùng này đối với phát triển>NNLCLC trong những năm qua.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời sử dụng các phương pháp lịch sử kết hợp với phương pháp logic; phân tích kết hợp với tổng hợp; điều tra khảo sát, tổng kết thực tiễn, điều tra xã hội học và phương pháp chuyên gia.

5. Những đóng góp mới về khoa học của luận án

- *Khái niệm:* Tỉnh ủy, thành ủy ở VKTTĐ miền Trung lãnh đạo phát triển>NNLCLC hiện nay.

- Một vài kinh nghiệm có giá trị cao về sự lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy ở VKTTĐ miền Trung đối với phát triển>NNLCLC trong thời gian qua.

- Một hoặc hai đột phá, trọng tâm về tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy ở VKTTĐ lãnh đạo phát triển>NNLCLC trong những năm tới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

- Kết quả của luận án nhằm góp phần phát triển nhận thức lý luận và thực tiễn của các tỉnh ủy, thành ủy ở VKTTĐ miền Trung lãnh đạo phát triển>NNLCLC.

- Kết quả nghiên cứu của luận án có thể được dùng làm tài liệu tham khảo trong quá trình các tỉnh ủy, thành ủy ở VKTTĐ miền Trung lãnh đạo phát triển>NNLCLC trong những năm tới.

- Kết quả nghiên cứu của luận án còn có thể được dùng làm tài liệu nghiên cứu, học tập, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình khoa học đã công bố của tác giả có liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 04 chương, 10 tiết.

Chương 1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU Ở NƯỚC NGOÀI CÓ LIÊN QUAN

1.1.1. Các công trình ở một số nước phát triển về nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Các công trình ở một số nước phát triển về nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao như: Aahad M. Osman-Gani và Wee-Liang-Tan (2006), *Human Resource Development: Key to Singapore's Sustainable Growth and Competitiveness - Phát triển nguồn nhân lực: Chìa khóa tăng trưởng bền vững và năng lực cạnh tranh của Singapore* [144]; Alagaraja, M., & Wang, J. (2012), *Development of a national HRD strategy model: Cases of India and China - Phát triển mô hình chiến lược phát triển nguồn nhân lực quốc gia: Trường hợp của Ấn Độ và Trung Quốc* [145]; G.N. McLean, National HRD (2012), *What is the world is it?*, in Lee, Monica; *Human Resource Development As We Know It: Speeches That Have Shaped the Field - Thế giới này là gì? trong Lee, Monica; Phát triển nguồn nhân lực như chúng ta đã biết: Những bài phát biểu đã định hình lĩnh vực này* [154]; H.C. Oh, M. Choi (2013), *Comparative advantage of OECD member countries' competitive advantage in National Human Resource Development System - Phân tích so sánh lợi thế cạnh tranh của các nước thành viên OECD trong hệ thống phát triển nguồn nhân lực quốc gia* [150]; Sajit Chandra Debnath (2014), *Education and Human Resource Development in East Asian Knowledge Economies - Phát triển giáo dục và nguồn nhân lực ở các nền kinh tế tri thức Đông Á* [160]; Rahim, S., Murshed, M., Umarbeyli, S., Kirikkaleli, D., Ahmad, M., Tufail, M., & Wahab, S. (2021). *Do natural resources abundance and human capital development promote economic growth? A study on the resource curse hypothesis in Next Eleven countries - Sự phong phú về tài nguyên thiên nhiên và phát triển nguồn nhân lực có thúc đẩy tăng trưởng kinh tế không? Nghiên cứu về giả thuyết lời nguyền tài nguyên ở các nước Next Eleven* [158].

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về đảng cầm quyền lãnh đạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Các công trình nghiên cứu về đảng cầm quyền lãnh đạo phát triển NNLCLC như: Loh, O. H., & Chin, J. S. P. (2024), *Human Resource Management In Singapore - The Complete Guide, Volume B: Work And Remuneration, World Scientific - Quản lý nguồn nhân lực ở Singapore - Hướng dẫn đầy đủ, Tập B: Công việc và thù lao* [157]; Xinh Khăm Phôm Ma Xay (2003), *Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh tế của Đảng và Nhà nước Lào hiện nay* [142]; “*Tôn trọng trí thức, tôn trọng nhân tài kể lớn trăm năm chấn hưng đất nước*” do Thẩm Vinh Hoa và Ngô Quốc Diệu (đồng chủ biên, 1996), [54]; Nguyễn Thị Thu Phương (chủ biên) (2009), “*Chiến lược nhân tài của Trung Quốc từ năm 1978 đến nay*” [81]; Vương Huy Diệu (2010), “*Chiến lược quốc gia nhân tài biến đổi thế giới*” (2010) [23]; Tạ Bá Hưng và các cộng sự (2010), *Các chiến*

lược và chính sách của Trung Quốc nhằm thúc đẩy đổi mới giáo dục đại học và đào tạo nhân công tay nghề cao [61]; Vương Xung (2012), *Chất lượng tăng trưởng kinh tế khu vực phía Tây Trung Quốc với việc khai thác nguồn nhân lực nông thôn* [141]; Sách: “*Nhân tài - Nguồn tài nguyên số 1*” (2013) của tác giả Trương Hạo Hàm, Hoàng Duy [49]; Phit Samáy Bunvilay (2014), *Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở thành phố Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào hiện nay* [17]; Chitsavan Thetyothin (2022), *Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lãnh đạo phát triển nguồn nhân lực* [89]; Bouteing Bounlaphong (2023), *Phát huy nhân tố con người trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở các tỉnh phía Bắc nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào hiện nay* [10]...

1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC CÓ LIÊN QUAN

1.2.1. Các công trình nghiên cứu trong nước về nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Nguyễn Đắc Hưng (2007), *Phát triển nhân tài chấn hưng đất nước* [62]; Dương Anh Hoàng (2012), *Phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Đà Nẵng* [55]; Lê Thị Hồng Điệp (2012), *Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. [45]; Tạ Ngọc Tấn, (2012) *Phát triển giáo dục và đào tạo, nguồn nhân lực, nhân tài - Một số kinh nghiệm của thế giới* [84]; Luận án tiến sĩ kinh tế (2017) “*Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đến năm 2025*” của tác giả Nguyễn Phan Thu Hằng [51]. Luận án tiến sĩ của tác giả Nguyễn Thị Quyết (2017), *Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Quảng Ngãi hiện nay* [78]....

1.2.2. Các công trình nghiên cứu về Đảng lãnh đạo phát triển nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao

Các công trình nghiên cứu về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền lãnh đạo phát triển NNL, NNLCLC như: Nguyễn Văn Tài (2010), “*Phát huy tính tích cực xã hội của đội ngũ cán bộ nước ta hiện nay*” [83]; Lê Quang Hùng (2013), Luận án tiến sĩ: “*Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung*” [58]; Luận án Tiến sĩ triết học: “*Vấn đề phát triển nguồn nhân lực nữ chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay*” (2013) của Nguyễn Thị Giáng Hương [60]; Hà Thị Hằng (2014), “*Nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức ở tỉnh Thừa Thiên Huế hiện nay*” [50]; Phạm Thị Vân Anh (2015), Luận án tiến sĩ: “*Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong các khu công nghiệp ở Bắc Ninh*” [2]; Sách: “*Chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong khu vực công ở nước ta hiện nay*” (2016) của các tác giả Triệu Văn Cường - Nguyễn Minh Phương [22]; Sách: “*Phát triển nhân lực du lịch tại Đà Nẵng đến năm 2030*” (2021) của tác giả Lê Thị Thanh Huyền [69]; Nguyễn Thị Ngọc Anh, (2023), Luận án tiến sĩ: “*Phát triển nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp FDI trong khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc*”[1]; Luận án tiến sĩ “*Các tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn giai đoạn hiện nay*” (2012) của tác giả Nguyễn Thị Tô Uyên [139]; Luận án tiến sĩ: “*Đảng bộ tỉnh Lào Cai lãnh đạo đào tạo nguồn nhân lực từ năm 2001 đến năm 2010*” (2014) của tác giả Nguyễn Thị Vân Hằng [52]; Luận án tiến sĩ: “*Đảng bộ tỉnh Thái Bình lãnh đạo đào tạo nguồn nhân lực cho nông nghiệp từ năm 2001 đến năm 2010*” (2015) của Phạm Thị Kim Lan [73]; Luận án tiến sĩ: “*Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc lãnh đạo xây dựng nguồn nhân lực từ năm 2001 đến năm 2013*” (2015) của Hà Vũ Tuyền [129]. Luận án tiến sĩ “*Các tỉnh ủy, thành ủy ở vùng duyên hải miền*

Trung lãnh đạo phát triển nguồn nhân lực khoa học – công nghệ giai đoạn hiện nay” (2017) của Trần Văn Phương [82]; Lê Hồ Hiếu (2018), *Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo phát triển nguồn nhân lực từ năm 2005 đến năm 2015* [53]; Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh – Tỉnh ủy Thái Bình (2024), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao – đột phá chiến lược Vùng đồng bằng sông Hồng*, Thái Bình [57]...

1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU LÀM SÁNG TỎ

1.3.1. Khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu đã đạt được

Một là, các công trình nghiên cứu đã làm rõ cơ bản hệ thống các khái niệm công cụ về nội dung, phương thức lãnh đạo, cầm quyền, vai trò, đặc điểm lãnh đạo của Đảng đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực>NNLCLC. Nghiên cứu làm rõ các khái niệm về>NNL,>NNLCLC, tiêu chí đánh giá>NNLCLC.

Hai là, các công trình nghiên cứu đã đánh giá sát, đúng thực trạng công tác lãnh đạo phát triển>NNL,>NNLCLC trên phạm vi cả nước cũng như ở từng địa phương cụ thể.

Thứ ba, tuy từng công trình nghiên cứu khai thác dưới nhiều góc độ và phạm vi khác nhau nhưng đều đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo phát triển>NNL,>NNLCLC ở phạm vi cả nước cũng như từng địa phương, trong đó, giải pháp xuyên suốt được nhấn mạnh là tăng cường đầu tư cho GD-ĐT.

Bốn là, một số công trình cùng lúc đưa ra hệ thống giải pháp và những đề xuất, khuyến nghị mang tính gợi mở nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng lãnh đạo công tác này của Đảng và từng cấp ủy địa phương trên những phương diện khác nhau.

Những công trình khoa học và kinh nghiệm nêu trên đã có những đóng góp không nhỏ về lý luận và tổng kết thực tiễn, là nguồn tư liệu quan trọng, bổ ích có giá trị tham khảo tốt để tác giả đi sâu nghiên cứu, thực hiện đề tài luận án, nhất là cung cấp một số tư liệu và hướng tiếp cận đa dạng về đối tượng và phương pháp nghiên cứu. Tác giả kế thừa có chọn lọc kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học trong quá trình nghiên cứu, triển khai đề tài.

1.3.2. Những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu, làm sáng tỏ

Một là, nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác lãnh đạo phát triển>NNLCLC ở các tỉnh ủy, thành ủy ở trong VKTTĐ miền Trung. Cụ thể gồm: Những vấn đề chủ yếu về VKTTĐ miền Trung; các tỉnh ủy, thành ủy ở VKTTĐ miền Trung;>NNL,>NNLCLC; phát triển>NNLCLC.

Hai là, tập trung xây dựng khung lý thuyết của luận án, gồm: khái niệm trung tâm của luận án là “Tỉnh ủy, thành ủy ở VKTTĐ miền Trung lãnh đạo phát triển>NNLCLC”; nội dung và phương thức lãnh đạo (PTLD) của tỉnh ủy, thành ủy đối với phát triển>NNLCLC; vai trò của sự lãnh đạo của tỉnh ủy, thành ủy đối với phát triển>NNLCLC.

Ba là, khảo sát, đánh giá thực trạng>NNLCLC của các tỉnh, thành phố ở VKTTĐ miền Trung và thực trạng các tỉnh ủy, thành ủy ở VKTTĐ miền Trung lãnh đạo phát triển>NNLCLC trong những năm qua trên hai phương diện chính là nội dung lãnh đạo và PTLD; chỉ ra ưu điểm, khuyết điểm, hạn chế, nguyên nhân và những kinh nghiệm.

Bốn là, phân tích thuận lợi, khó khăn và đề xuất, phân tích các giải pháp đồng bộ, có tính đột phá, nhằm tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy ở VKTTĐ miền Trung đối với phát triển>NNLCLC đến năm 2035, định hướng đến năm 2045.

Chương 2

CÁC TỈNH ỦY, THÀNH ỦY Ở VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

2.1. VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG, CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ VÀ TỈNH ỦY, THÀNH ỦY CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRONG VÙNG

2.1.1. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và đặc điểm các tỉnh, thành phố trong Vùng

2.1.1.1. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

** Lịch sử ra đời*

Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung được hình thành từ năm 1997, gồm 04 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (thành phố Đà Nẵng, các tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi). Năm 2004, Chính phủ có Quyết định số 148/2004/QĐ-TTg phê duyệt Phương hướng chủ yếu phát triển KT-XH Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2010 và năm 2020, đã bổ sung thêm tỉnh Bình Định vào Vùng kinh tế này.

** Quan điểm phát triển*

Một là, phát triển KT-XH Vùng này phù hợp với Chiến lược phát triển KT-XH của cả nước, đảm bảo thống nhất với quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực.

Hai là, phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế so sánh của vùng về vị trí địa kinh tế-chính trị, tài nguyên thiên nhiên.

Ba là, phát huy nhân tố con người, coi đó là nguồn lực phát triển quan trọng của Vùng.

Bốn là, phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Năm là, phát triển bền vững, hài hòa giữa các mục tiêu về phát triển kinh tế, phát triển xã hội và cải thiện môi trường sinh thái với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường biển.

2.1.1.2. Đặc điểm các tỉnh, thành phố ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

** Đặc điểm địa lý tự nhiên*

Các tỉnh, thành phố VKTTĐ miền Trung ở phía Bắc là tỉnh Thừa Thiên Huế, giáp tiểu vùng Bắc Trung Bộ, phía Nam giáp tiểu vùng Nam Trung bộ, phía Tây giáp các tỉnh nước bạn Lào và phía Đông giáp Biển Đông với bờ biển dài 600 km. Các tỉnh, thành phố của Vùng chạy dài theo chiều dài một phần miền Trung nước ta, chiều ngang hẹp. Diện tích tự nhiên của toàn Vùng là 27.881,7 km², chiếm 8,45% diện tích cả nước, đứng thứ hai trong bốn VKTTĐ của nước ta. Vùng có 02 huyện đảo là Hoàng Sa và Lý Sơn.

** Đặc điểm kinh tế*

Các tỉnh, thành phố VKTTĐ miền Trung có nhiều thuận lợi trong giao thương với các tỉnh trong nước và với nhiều nước ở khu vực và thế giới. Toàn Vùng kinh tế có 04 Khu Kinh tế (KKT) ven biển gồm KKT Chân Mây - Lăng Cô, KKT ở Chu Lai, KKT Dung Quất và KKT Nhơn Hội, 01 Khu Công nghệ cao Đà Nẵng và hệ thống 19 khu công nghiệp, khu chế xuất, chiếm 5,8% tổng số khu công nghiệp cả nước.

** Đặc điểm chính trị*

Các tỉnh, thành phố ở VKTTĐ miền Trung có vị trí địa chính trị rất quan trọng đối với cả nước.

Trong kháng chiến chống thực dân, đế quốc, ở các tỉnh, thành phố Vùng này đã diễn ra những trận chiến đấu rất ác liệt, quân đội ta, giành thắng lợi to lớn với những chiến công vang dội.

HTCT từ tỉnh đến cơ sở ở các tỉnh, thành phố của Vùng được xây dựng vững mạnh, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

** Đặc điểm văn hóa, xã hội.*

Các tỉnh, thành phố ở VKTTĐ miền Trung là một trong những trung tâm văn hóa của nước ta với Cố đô Huế, Khu đô thị cổ Hội An, Khu đền tháp Mỹ Sơn...

Đến năm 2020, dân số toàn các tỉnh, thành phố trong Vùng khoảng 6.550.811 người, chiếm 7,0% dân số cả nước, đứng thứ ba trong bốn VKTTĐ của cả nước. Lực lượng lao động đang làm việc là 3.403 nghìn lao động, chiếm 31,22% lực lượng lao động toàn Vùng.

Nhân dân các tỉnh, thành phố Vùng này những đức tính quý báu như: cần cù, tiết kiệm, ham học, tôn sư trọng đạo...

** Đặc điểm quốc phòng, an ninh.*

Các tỉnh, thành phố Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về QP, AN của cả nước.

Các thế lực thù địch thường tập trung xuyên tạc, kích động gây mất ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội ở Vùng này.

2.1.2. Đảng bộ tỉnh, thành phố, tỉnh ủy, thành ủy, ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung – khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và đặc điểm

2.1.2.1. Khái quát về các đảng bộ tỉnh, thành phố ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung có 05 đảng bộ tỉnh, thành phố với 83 tổ chức đảng trực thuộc các tỉnh ủy, thành ủy.

Toàn vùng có 3.947 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc 83 đảng bộ cấp huyện và tương đương.

Toàn vùng có 305.306 đảng viên. Trong đó, Đảng bộ tỉnh Bình Định là đảng bộ có số lượng đảng viên nhiều nhất với tổng số đảng viên là 70.022 đồng chí.

2.1.2.2. Tỉnh ủy, thành ủy ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung – khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

** Khái niệm về các tỉnh ủy, thành ủy ở VKTTĐ miền Trung*

Tỉnh ủy, thành ủy ở VKTTĐ miền Trung là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ tỉnh, thành phố giữa hai kỳ đại hội đảng bộ (ĐHĐB) tỉnh, thành phố; do ĐHĐB đảng bộ nhiệm kỳ hiện tại bầu ra; lãnh đạo thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và chính sách, pháp luật của Nhà nước; nghị quyết ĐHĐB đảng bộ tỉnh, thành phố nhiệm kỳ đó và đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương đối với tỉnh, thành phố.

** Chức năng của các tỉnh ủy, thành ủy ở VKTTĐ miền Trung*

Thứ nhất, lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố;

Thứ hai, lãnh đạo toàn diện và quyết định những vấn đề lớn, quan trọng về KT-XH; QP, AN, đối ngoại, công tác xây dựng Đảng;

Thứ ba, đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương đối với địa phương.

** Nhiệm vụ, quyền hạn của tỉnh ủy, thành ủy ở VKTTĐ miền Trung*

Một là, lãnh đạo cụ thể hóa các chủ trương, biện pháp triển khai tổ chức thực hiện nghị quyết. *Hai là*, lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức sơ kết, tổng kết các nghị quyết. *Ba là*, định hướng hoặc quyết định theo thẩm quyền. *Bốn là*, lãnh đạo chính quyền tỉnh, thành phố thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. *Năm là*, lãnh đạo công tác dân vận, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. *Sáu là*, quyết định những vấn đề liên quan đến quản lý tài chính, tài sản. *Bảy là*, xem xét, cho ý kiến về những công việc ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy (BTVTTU) đã giải quyết giữa hai kỳ họp của tỉnh ủy, thành ủy. *Tám là*, thực hiện các nhiệm vụ khác do Trung ương giao.

** Mỗi quan hệ công tác của các tỉnh ủy, thành ủy Vùng kinh tế*

Theo Quy định số 10-QĐ/TW cũng như các quy định về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các tỉnh ủy, thành ủy thì mối quan hệ công tác của tỉnh ủy, thành ủy được xác định với các cơ quan, tổ chức như với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan trực thuộc Trung ương; đảng ủy quân khu, Đảng ủy Bộ đội Biên phòng; các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc trên 03 phương diện về chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp, chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ và lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện. Đây sẽ là cơ sở quan trọng trong việc thực hiện vai trò lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy đặt trong mối quan hệ với các cơ quan, tổ chức có liên quan từ Trung ương đến cơ sở. Đối với mối quan hệ giữa các tỉnh ủy, thành ủy các tỉnh trong Vùng kinh tế, đây là mối quan hệ phối hợp trong tổ chức thực hiện dựa trên chức năng, nhiệm vụ quyền hạn theo quy định nhằm thực hiện thắng lợi các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển của Đảng và các quyết định của Quốc hội, Chính phủ có liên quan đến sự phát triển Vùng kinh tế cũng như các tỉnh, thành phố.

2.1.2.3. Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy ở VKTTĐ miền Trung - khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

** Khái niệm BTVTTU ở VKTTĐ miền Trung*

Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ họp tỉnh ủy, thành ủy; do hội nghị tỉnh ủy, thành ủy bầu ra trong phiên họp đầu tiên của tỉnh ủy, thành ủy; thực hiện chức năng và nhiệm vụ lãnh đạo, kiểm tra, giám sát và kiến nghị, đề xuất đối với những vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn, góp phần thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của đại hội đảng bộ, ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố Vùng kinh tế.

** Chức năng của BTVTTU ở VKTTĐ miền Trung*

- Lãnh đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố, nghị quyết, chỉ thị của Tỉnh ủy và của Trung ương;
- Quyết định chủ trương về công tác tổ chức, cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của tỉnh ủy, thành ủy;
- Đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư và tỉnh ủy, thành ủy những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương và của tỉnh ủy, thành ủy đối với tỉnh, thành phố.

** Về nhiệm vụ, quyền hạn của BTVTTU ở VKTTĐ miền Trung:*

Một là, quyết định triệu tập hội nghị tỉnh ủy, chỉ đạo chuẩn bị nội dung, chương trình, báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết, kết luận trình hội nghị tỉnh ủy về những vấn đề thuộc thẩm quyền của tỉnh ủy, thành ủy. *Hai là*, lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc triển khai, tổ chức thực hiện nghị quyết. *Ba là*, lãnh đạo cụ thể hóa, thực hiện chủ

trương, nghị quyết về công tác xây dựng Đảng, xây dựng HTCT và công tác tổ chức, cán bộ. *Bốn là*, có thể ra nghị quyết hoặc kết luận để lãnh đạo những vấn đề quan trọng, nhạy cảm thuộc lĩnh vực KT-XH, QP, AN. *Năm là*, quyết định hoặc cho chủ trương định hướng, biện pháp thực hiện nhiệm vụ QP, AN, đối ngoại, xây dựng nền quốc phòng toàn dân. *Sáu là*, định hướng hoạt động công tác nội chính. *Bảy là*, lãnh đạo, chỉ đạo tài chính, tài sản của đảng bộ tỉnh, thành phố. *Tám là*, tham gia ý kiến trong việc xây dựng, ban hành chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, nhất là những vấn đề có liên quan đến tỉnh, thành phố. *Chín là*, quyết định những vấn đề quan trọng khác do các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc đề nghị. *Mười là*, ủy quyền cho thường trực tỉnh ủy, thành ủy thực hiện một số công việc cụ thể.

** Mỗi quan hệ công tác của BTV các tỉnh, thành phố Vùng kinh tế*

Như trên đã trình bày, mỗi quan hệ công tác của BTV các tỉnh ủy, thành ủy chủ yếu xoay quanh 03 mối quan hệ chính. (1) Chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện chế độ báo cáo đối với BCH Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. (2) Phối hợp, chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan Trung ương. (3) Lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện công tác đối với các tổ chức đảng cấp dưới.

2.1.2.4. Các cơ quan tham mưu, giúp việc cho tỉnh ủy, thành ủy

Theo Quy định của Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy thì chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy gồm văn phòng, ban tổ chức, cơ quan ủy ban kiểm tra, ban tuyên giáo, ban dân vận, ban nội chính. Các cơ quan tham mưu này thực hiện các nhiệm vụ cơ bản gồm nghiên cứu, đề xuất và thực hiện các mặt công tác theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ; phối hợp trong tổ chức, thực hiện nhiệm vụ và thực hiện một số nhiệm vụ khác do thường trực tỉnh ủy, thành ủy giao.

2.1.2.5. Đặc điểm của các tỉnh ủy, thành ủy ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Một là, đa số các tỉnh ủy, thành ủy, độ tuổi trung bình đều rơi vào 02 độ tuổi từ 40 – 50 và trên 50 tuổi với tuổi bình quân của các tỉnh ủy, thành ủy khoảng 50 tuổi.

Hai là, trình độ chuyên môn và lý luận chính trị của đội ngũ tỉnh ủy viên, thành ủy viên của Vùng kinh tế ngày càng được nâng cao.

Ba là, tỉnh ủy, thành ủy được kế thừa truyền thống kiên cường, bất khuất trong chống xâm lược, năng động, sáng tạo vượt qua khó khăn, gian khổ trong lãnh đạo xây dựng CNXH của các thế hệ cán bộ tiền nhiệm.

Bốn là, đối tượng lãnh đạo của tỉnh ủy, thành ủy có trình độ mọi mặt từng bước nâng cao, có nhiều đức tính tốt đẹp.

Năm là, các tỉnh ủy, thành ủy hoạt động ở địa bàn năng động, sáng tạo, KTTT định hướng XHCN, mở cửa, hội nhập quốc tế phát triển khá mạnh, song một số tác động tiêu cực và sự khắc nghiệt của điều kiện tự nhiên cũng cản trở nhất định hoạt động của tỉnh ủy, thành ủy Vùng này.

2.2. NGUỒN NHÂN LỰC, NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO Ở CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG

2.2.1. Nguồn nhân lực - khái niệm, phân loại và đặc điểm

2.2.1.1. Khái niệm nguồn nhân lực

Từ các cách tiếp cận nghiên cứu và dưới góc độ xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, có thể quan niệm, NNL là nguồn lực con người có đủ sức khỏe, có khả năng lao động và làm việc theo quy định của Nhà nước, được sử dụng để tạo ra của cải vật chất và tinh thần nhằm phục vụ cho nhu cầu cá nhân của NNL, qua đó góp phần thực hiện thắng lợi chủ trương, định hướng phát triển của địa phương, mỗi vùng và của đất nước.

2.1.1.2. Phân loại nguồn nhân lực

Có nhiều cách phân loại NNL khác nhau tùy theo các góc độ nghiên cứu khác nhau, trong phạm vi Luận án, có thể phân chia thành 02 hệ thống là NNL trong hệ thống chính trị (HTCT) và NNL phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh (XS, KD).

2.2.1.3. Đặc điểm nguồn nhân lực ở các tỉnh, thành phố Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Thứ nhất, NNL ở các tỉnh, thành trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung có đức tính cần cù, chăm chỉ, hiếu học.

Thứ hai, NNL trong Vùng có tinh thần yêu nước, yêu quê hương và khát vọng cống hiến vì địa phương.

Thứ ba, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề và sự chuyển dịch cơ cấu NNL ngày càng tích cực.

Thứ tư, NNL trong Vùng thiếu nghiêm trọng chuyên gia đầu ngành, lĩnh vực, nhất là các lĩnh vực có yếu tố công nghệ, kỹ thuật cao.

Thứ năm, NNL trong Vùng kinh tế còn phân tán, thiếu tính liên kết trong từng tỉnh, thành phố và trong Vùng.

2.2.2. Nguồn nhân lực chất lượng cao ở các tỉnh, thành phố Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - khái niệm, phân loại, đặc điểm và vai trò

2.2.2.1. Khái niệm nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn nhân lực chất lượng cao của các tỉnh, thành phố Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Nguồn nhân lực chất lượng cao của các tỉnh, thành phố ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung là lực lượng lao động của tỉnh, thành phố và của Vùng gồm những người có sức khỏe và phẩm chất công dân tốt, có trình độ chuyên môn được đào tạo cơ bản và có kỹ năng thực hành nghề nghiệp cao, là bộ phận giữ vai trò quan trọng góp phần tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn phát triển của từng tỉnh, thành phố Vùng kinh tế.

2.2.2.2. Tiêu chí đánh giá nguồn nhân lực chất lượng cao của các tỉnh, thành phố Vùng kinh tế

Thứ nhất, về phẩm chất chính trị: NNLCLC phải là lực lượng lao động có tinh thần yêu nước, có đạo đức nghề nghiệp, có thái độ tích cực, có bản lĩnh chính trị vững vàng. Đây được coi là tiêu chí mang lại tính chất nền tảng trong quá trình xây dựng những tiêu chí xác định NNLCLC.

Thứ hai, về thể lực: tình trạng sức khỏe của NNLCLC phải đảm bảo các chỉ tiêu cơ bản về sức khỏe như chiều cao, cân nặng, tuổi thọ, các chỉ tiêu về tình hình bệnh tật, các chỉ tiêu về cơ sở vật chất và các điều kiện về bảo vệ và chăm sóc sức khỏe.

Thứ ba, về trình độ chuyên môn: trình độ chuyên môn kỹ thuật của NNLCLC phải từ bậc cao đẳng, đại học, trên đại học.

Thứ tư, về kỹ năng:>NNLCLC phải là lực lượng có kỹ năng liên quan đến tư duy sáng tạo, kỹ năng công nghệ thông tin, kỹ năng tiếng Anh, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề,....

2.2.2.3. Phân loại nguồn nhân lực chất lượng cao

Tương tự như phân loại>NNL,>NNLCLC cũng được phân chia thành hai loại chủ yếu:>NNLCLC trong HTCT và>NNLCLC phục vụ hoạt động SX, KD nhưng với các tiêu chí cao hơn.

2.2.2.4. Vai trò của nguồn nhân lực chất lượng cao của các tỉnh, thành phố ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Một là, là lực lượng góp phần hoạch định chủ trương, chính sách về phát triển mọi mặt của các tỉnh, thành phố trong Vùng.

Hai là, là lực lượng chủ yếu, nòng cốt tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Ba là,>NNLCLC đóng vai trò rất quan trọng trong việc rút ngắn khoảng cách phát triển và góp phần phát triển nhanh, bền vững ở các tỉnh, thành phố

Bốn là,>NNLCLC của VKTTĐ miền Trung là lực lượng quan trọng đóng góp ý tưởng, phản biện chính sách cho Đảng, Nhà nước ở địa phương và cả Trung ương.

2.2.3. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở các tỉnh, thành phố Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - khái niệm, nội dung, phương thức

2.2.3.1. Khái niệm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở các tỉnh, thành phố Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở các tỉnh, thành phố Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung là hoạt động của của các chủ thể, lực lượng tham gia bằng các nội dung và phương thức phù hợp, khả thi để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao của từng tỉnh, thành phố có số lượng, cơ cấu hợp lý và chất lượng tốt, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của từng tỉnh, thành phố và toàn Vùng, góp phần vào sự phát triển vững mạnh của đất nước.

2.2.3.2. Nội dung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở các tỉnh, thành phố Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Một là, phát triển>NNLCLC bảo đảm về số lượng.

Hai là, phát triển>NNLCLC có cơ cấu hợp lý.

Ba là, phát triển>NNLCLC về phẩm chất, trình độ trí tuệ, năng lực làm việc, năng lực công tác, uy tín và sức khỏe.

Bốn là, phát triển>NNLCLC về ý thức tổ chức kỷ luật, phong cách, lễ lối làm việc, thái độ đối cán bộ, công chức trong cơ quan, đơn vị và nhân dân.

2.2.3.3. Phương thức phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở các tỉnh, thành phố Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Một là, bằng việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết về>NNL,>NNLCLC và phát triển>NNLCLC.

Hai là, bằng các hoạt động GD-ĐT, bồi dưỡng, tự đào tạo, bồi dưỡng.

Ba là, thông qua công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động.

Bốn là, thông qua việc thu hút, trọng dụng, chuyển dịch nhân lực chất lượng cao.

Năm là, bằng việc phát huy vai trò của các tổ chức trong HTCT, các lực lượng khác tham gia phát triển>NNLCLC.

Sáu là, bằng việc phối hợp chặt chẽ với các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trong Vùng và trong cả nước.

2.3. TỈNH ỦY, THÀNH ỦY Ở VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO – KHÁI NIỆM, NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC, VAI TRÒ

2.3.1. Khái niệm tỉnh ủy, thành ủy ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung lãnh đạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Tỉnh ủy, thành ủy ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung lãnh đạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là toàn bộ hoạt động của tỉnh, thành ủy, ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy với sự tham gia của các lực lượng có liên quan trong việc xây dựng, ban hành, lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát nhằm thực hiện thắng lợi các chủ trương, nghị quyết về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của từng tỉnh, thành phố và mục tiêu phát triển của Vùng kinh tế.

2.3.2. Nội dung lãnh đạo của tỉnh ủy, thành ủy ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đối với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Một là, xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp lớn phát triển>NNLCLC.

Hai là, lãnh đạo chính quyền cấp tỉnh, thành phố thể chế hóa, cụ thể hóa phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ thành các quyết định, đề án phát triển>NNLCLC.

Ba là, lãnh đạo thực hiện các nội dung, các khâu phát triển>NNLCLC.

Bốn là, lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy phát triển>NNLCLC trên địa bàn.

Năm là, lãnh đạo công tác phối hợp giữa các tỉnh, thành ủy trong Vùng trong phát triển>NNLCLC.

Sáu là, lãnh đạo sơ kết, tổng kết tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, của tỉnh, thành phố về phát triển>NNLCLC.

2.3.3. Phương thức lãnh đạo của tỉnh ủy, thành ủy ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đối với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Một là, lãnh đạo bằng các nghị quyết, kết luận, chương trình, định hướng chỉ đạo về phát triển>NNLCLC.

Hai là, lãnh đạo thông qua phát huy vai trò quản lý của chính quyền tỉnh, thành phố trong phát triển>NNLCLC.

Ba là, lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động.

Bốn là, lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ.

Năm là, lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên trong việc chấp hành các chủ trương, nghị quyết về phát triển>NNLCLC.

Sáu là, lãnh đạo bằng việc phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc (MTTQ), các tổ chức, lực lượng có liên quan và nhân dân địa phương tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy, thành ủy đối với phát triển>NNLCLC.

Bảy là, bằng công tác kiểm tra, giám sát.

2.3.4. Vai trò lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đối với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Một là, sự lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy là nhân tố quyết định việc hiện thực hóa đường lối, chủ trương, nghị quyết về phát triển NNLCLC.

Hai là, sự lãnh đạo đúng đắn của các tỉnh ủy, thành ủy là yếu tố rất quan trọng cổ vũ, động viên và thu hút các đối tượng tham gia phát triển NNLCLC.

Ba là, là nhân tố chủ yếu tạo nên sự phát triển và phát huy vai trò của NNLCLC đối với sự phát triển mọi mặt của của từng tỉnh, thành phố, nhất là phát triển KT-XH.

Bốn là, là nhân tố quan trọng hàng đầu để NNLCLC của VKTTĐ miền Trung phát triển mạnh mẽ và là tổng hợp sự phát triển NNLCLC của từng tỉnh, thành phố, quyết định để Vùng xứng đáng với vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của mình.

Chương 3

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO VÀ CÁC TỈNH ỦY, THÀNH ỦY Ở VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO – THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

3.1. THỰC TRẠNG CÁC TỈNH ỦY, THÀNH ỦY Ở VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO

3.1.1. Ưu điểm

3.1.1.1. Về thực hiện nội dung lãnh đạo

Một là, việc xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp lớn phát triển NNLCLC trong nghị quyết ĐHĐB đảng bộ tỉnh, thành phố nhiệm kỳ hiện tại, chuẩn bị và tạo cơ sở cho lãnh đạo thực hiện công việc này trong nhiệm kỳ tới có những tiến bộ đáng ghi nhận.

Hai là, lãnh đạo chính quyền cấp tỉnh, thành phố thể chế hóa phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ thành các quyết định, đề án phát triển NNLCLC ngày càng được chú trọng.

Ba là, lãnh đạo công tác đào tạo và thu hút NNLCLC của các tỉnh, thành phố Vùng kinh tế có những đột phá tích cực.

Bốn là, lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy phát triển NNLCLC trên địa bàn được quan tâm.

Năm là, lãnh đạo phối hợp giữa các tổ chức, ban ngành trong tỉnh, thành phố và giữa các tỉnh, thành ủy trong Vùng trong phát triển NNLCLC đáp ứng yêu cầu thực hiện mục tiêu phát triển của VKTTĐ miền Trung được các tỉnh ủy, thành ủy quan tâm và đồng thuận.

Sáu là, việc sơ kết, tổng kết công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển NNLCLC được coi trọng và lãnh đạo thực hiện đạt hiệu quả.

3.1.1.2. Về thực hiện phương thức lãnh đạo

Một là, lãnh đạo bằng các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về phát triển NNLCLC ngày càng toàn diện hơn.

Hai là, lãnh đạo thông qua phát huy vai trò quản lý của chính quyền tỉnh, thành phố để triển khai thực hiện phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngày càng đồng bộ và chất lượng hơn.

Ba là, lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động trong phát triển>NNLCLC có sự chủ động và nhiều cách làm sáng tạo.

Bốn là, lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ các cơ quan chính quyền tỉnh, thành phố và các tổ chức, cơ quan hoạt động trong lĩnh vực GD-ĐT,>NNL và>NNLCLC của tỉnh, thành phố có nhiều đổi mới đáng ghi nhận.

Năm là, lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên và bằng hành gương mẫu của đảng viên hoạt động trong các cơ quan chính quyền, cơ quan, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực GD-ĐT,>NNL,>NNLCLC của tỉnh, thành phố có chuyển biến tích cực.

Sáu là, lãnh đạo phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH các cấp các tổ chức, lực lượng có liên quan trong phát triển>NNLCLC; phối hợp các tổ chức này với cấp ủy, chính quyền các cấp trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển>NNLCLC có những chuyển biến đáng ghi nhận.

Bảy là, lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát (KT, GS) việc tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết về phát triển>NNLCLC được chú trọng.

3.1.2. Hạn chế

3.1.2.1. Về thực hiện nội dung lãnh đạo

Một là, lãnh đạo xác định những định hướng, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển>NNLCLC vẫn còn một số điểm chưa có tính bao quát, chưa có sự bút phá về tư duy.

Hai là, lãnh đạo HĐND, UBND trong cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết của tỉnh ủy, thành ủy về phát triển>NNLCLC thành các đề án, chương trình, kế hoạch, chính sách để phát triển>NNL trong thực tiễn còn chậm, nhiều nội dung còn lúng túng.

Ba là, lãnh đạo thực hiện các nội dung, các khâu phát triển>NNLCLC vẫn còn hạn chế, bất cập.

Bốn là, lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy phát triển>NNLCLC trên địa bàn đôi lúc còn chưa sâu sát.

Năm là, lãnh đạo công tác phối hợp giữa các tỉnh, thành ủy trong Vùng trong lãnh đạo phát triển>NNLCLC tạo nên>NNLCLC của Vùng đáp ứng yêu cầu thực hiện mục tiêu phát triển của VKTTĐ miền Trung vẫn còn chưa đi vào chiều sâu thật sự của sự phối hợp.

Sáu là, công tác sơ kết, tổng kết công tác lãnh đạo, tổ chức thực hiện phát triển>NNLCLC vẫn còn những hạn chế nhất định.

3.1.2.2. Về thực hiện phương thức lãnh đạo

Một là, lãnh đạo bằng các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, thành ủy, BTVTTU về phát triển>NNLCLC tuy có nhiều nghị quyết, đề án được ban hành vẫn còn thiếu sự đột phá.

Hai là, việc lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền tỉnh, thành phố trong Vùng cụ thể hóa, thể chế hóa các nghị quyết của tỉnh ủy, thành ủy, BTVTTU về phát triển>NNLCLC để triển khai thực hiện trong toàn tỉnh, thành phố vẫn còn những hạn chế nhất định.

Ba là, lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động trong phát triển>NNLCLC đôi lúc chưa thật sự được coi trọng.

Bốn là, lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ các cơ quan chính quyền tỉnh, thành phố và các tổ chức cơ quan hoạt động trong lĩnh vực GD-ĐT,>NNL và>NNLCLC của các tỉnh, thành phố vẫn còn hạn chế trong tham mưu, phối hợp và tổ chức thực hiện.

Năm là, lãnh đạo bằng việc phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH, các tổ chức, lực lượng có liên quan và nhân dân địa phương tham gia vào sự lãnh đạo của tỉnh ủy, thành ủy đối với phát triển>NNLCLC còn thiếu sự chủ động, sáng tạo.

Sáu là, lãnh đạo thông qua tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên và bằng hành gương mẫu của đảng viên hoạt động trong các cơ quan chính quyền, cơ quan, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực GD-ĐT, NNL, NNLCLC của tỉnh, thành phố còn một số hạn chế.

Bảy là, lãnh đạo thông qua công tác KT, GS vẫn còn một số hạn chế nhất định.

3.2. Nguyên nhân và những kinh nghiệm

3.2.1. Nguyên nhân

3.2.1.1. Nguyên nhân của ưu điểm

Một là, các tỉnh ủy, thành ủy, nhất là ủy viên BTVTU đều nhận thức đầy đủ, sâu sắc về phát triển NNLCLC, có trình độ năng lực tham gia xây dựng các nghị quyết, quyết định của tỉnh, thành ủy về phát triển NNLCLC, tham gia lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức hiện.

Hai là, chính quyền, các tổ chức trong HTCT, các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực GD-ĐT, KH-CN xác định rõ trách nhiệm của mình trong phát triển NNLCLC, tích cực tham gia theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

Ba là, phần lớn những người trong NNL ở VKTTĐ miền Trung phát huy truyền thống hiếu học, cầu tiến bộ, khắc phục mọi khó khăn vươn lên, chủ động học tập, rèn luyện phát đầu trở thành NNLCLC.

Bốn là, KH-CN phát triển mạnh mẽ như vũ bão, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với thành tựu to lớn; việc thực hiện đường lối mở cửa, hội nhập quốc tế của đạt kết quả to lớn là yếu tố quan trọng hàng đầu để các tỉnh, thành ủy lãnh đạo phát triển NNLCLC.

Năm là, đường lối, chủ trương của Đảng về đổi mới đất nước, về GD-ĐT, phát triển NNLCLC, ngày càng hoàn thiện được cụ thể hoá, thể chế hóa kịp thời, chính xác; được Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt, kiểm tra, giám sát các tỉnh ủy, thành ủy nói chung cũng như các tỉnh, thành ủy ở VKTTĐ miền Trung thực hiện.

3.2.1.2. Nguyên nhân của hạn chế

Một là, vẫn còn cấp ủy trực thuộc, một số tỉnh, thành ủy viên nhận thức chưa đầy đủ, sâu sắc về NNLCLC, trình độ, năng lực về vấn đề này còn hạn chế.

Hai là, chất lượng GD-ĐT nói chung cũng như công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của các tỉnh, thành phố nhiều mặt vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Ba là, điều kiện và khả năng bảo đảm những điều kiện cần thiết cho việc phát triển NNLCLC của các tỉnh ở VKTTĐ miền Trung còn nhiều khó khăn.

Bốn là, việc thu hút nhân tài về làm việc ở các tỉnh, thành phố miền Trung nói chung, ở các tỉnh, thành phố VKTTĐ miền Trung nói riêng còn nhiều khó khăn.

Năm là, chưa có cơ chế và bộ phận, chỉ đạo, điều hành chung về phát triển KT-XH nói chung, phát triển NNLCLC nói riêng.

Sáu là, một số điểm trong một số văn bản của Trung ương về phát triển NNLCLC chưa được chỉnh sửa, bổ sung kịp thời; một số cơ quan Trung ương chưa thực sự quan tâm phối hợp với các tỉnh, thành ủy VKTTĐ trong phát triển NNLCLC.

3.2. Những kinh nghiệm

Một là, tỉnh, thành ủy, BTVTTU nhận thức đúng, sâu sắc, đầy đủ, thống nhất về nhiệm vụ đột phá phát triển NNLCLC của tỉnh hiện nay.

Hai là, các tỉnh ủy, thành ủy bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương về chủ trương, định hướng phát triển NNLCLC của các Vùng kinh tế để đề ra các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp sát, đúng.

Ba là, coi trọng việc tập trung lãnh đạo, chỉ đạo HTCT mà nhất là HĐND, UBND cùng cấp trong việc cụ thể hóa, thể chế hóa các quan điểm, chủ trương về phát triển>NNLCLC.

Bốn là, tỉnh ủy, thành ủy coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới toàn diện chất lượng GD-ĐT, giáo dục phổ thông, dạy nghề, cao đẳng, đại học.

Năm là, tỉnh ủy, thành ủy, tích cực, chủ động trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt sự phối hợp các tỉnh, thành ủy trong VKTTĐ miền Trung trong lãnh đạo phát triển>NNLCLC.

Sáu là, các tỉnh, thành ủy VKTTĐ miền Trung trong coi trọng sự hỗ trợ của các cơ quan Trung ương, phối hợp chặt chẽ với các viện, trường đại học trong phát triển>NNLCLC.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA CÁC TỈNH ỦY, THÀNH ỦY Ở VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO THỜI GIAN TỚI

4.1. DỰ BÁO NHỮNG YẾU TỐ THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN TÁC ĐỘNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA CÁC TỈNH ỦY, THÀNH ỦY Ở VÙNG VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO THỜI GIAN TỚI

4.1.1. Dự báo thuận lợi, khó khăn

4.1.1.1. Các yếu tố thuận lợi

Một là, thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới gần 40 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng và kết quả đổi mới của các tỉnh, thành phố ở VKTTĐ miền Trung tiếp tục cổ vũ, động viên các tỉnh ủy, thành ủy Vùng này vươn lên mạnh mẽ, lãnh đạo phát triển>NNLCLC trong những năm tới.

Hai là, các nghị quyết, quyết định của Đảng về phát triển các VKTTĐ trong cả nước đã ban hành cùng với các chủ trương, quyết định mới sẽ được ban hành là cơ sở rất quan trọng để các tỉnh, thành ủy xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định về phát triển>NNLCLC.

Ba là, với sự chuẩn bị cẩn trọng, ĐHĐB đảng bộ thành phố VKTTĐ miền Trung nhiệm kỳ 2025-2030 sẽ thành công tốt đẹp, sẽ thông qua nghị quyết nhiệm kỳ, trong đó có các quyết định về phát triển>NNLCLC; bầu được tỉnh, thành ủy mới có chất lượng sẽ lãnh đạo phát triển>NNLCLC nhiệm kỳ tới đạt hiệu quả.

Bốn là, sự phát triển như vũ bão của KH-CN, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Năm là, nhân dân, nhất là thế hệ trẻ Vùng này tích cực phát huy truyền thống hiếu học, khắc phục khó khăn để học tập, tiến bộ; hệ thống GD-ĐT trong Vùng ngày càng phát triển; các tỉnh ủy viên, thành ủy viên đã tích lũy được những kinh nghiệm quý về lãnh đạo phát triển>NNLCLC.

4.1.1.2. Các yếu tố khó khăn

Một là, trình độ mọi mặt và năng lực lãnh đạo của nhiều tỉnh, thành ủy viên ở các tỉnh, thành phố VKTTĐ miền Trung vẫn còn những bất cập trong lãnh đạo phát triển>NNLCLC trong những năm tới.

Hai là, một bộ phận cán bộ, đảng viên bị xử kỷ luật đảng và theo pháp luật đã tác động đến cán bộ, đảng viên và nhân dân trong Vùng là khó khăn đáng kể đối với các tỉnh, thành ủy trong lãnh đạo phát triển>NNLCLC những năm tới.

Ba là, khí hậu khắc nghiệt, điều kiện làm việc chưa thật thuận lợi, kinh tế chưa mạnh đã hạn chế không nhỏ việc thu hút nhân tài về làm việc tại các tỉnh trong Vùng.

Bốn là, việc phát triển GD-ĐT ở các tỉnh VKTTĐ miền Trung còn gặp nhiều khó khăn và chưa mạnh.

Năm là, lãnh đạo phát triển>NNLCLC trong điều kiện hiện nay là vấn đề còn nhiều rào cản ở nước ta nói chung, nhất là ở các tỉnh miền Trung.

4.1.2. Phương hướng

Thứ nhất, các tỉnh, thành ủy Vùng kinh tế cần tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo, tạo sự chuyển biến sâu sắc trong đội ngũ các tỉnh ủy viên, thành ủy viên, HTCT, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức CT-XH và nhân dân địa phương Vùng kinh tế về vai trò, tầm quan trọng của việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện thành công nhiệm vụ phát triển>NNLCLC ở từng tỉnh nói riêng và cả Vùng kinh tế nói chung.

Thứ hai, các tỉnh ủy, thành ủy tiếp tục xác định phát triển>NNLCLC gắn với phát triển kinh tế tri thức, chuyển đổi số trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo phát triển>NNLCLC của từng địa phương và toàn Vùng là nhiệm vụ đột phá cho những nhiệm kỳ tới.

Thứ ba, các tỉnh ủy, thành ủy tăng cường phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của chính quyền cùng cấp trong việc xác định nội dung, giải pháp phù hợp, khả thi, nhất là về cơ chế, chính sách để chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phát triển>NNLCLC.

Thứ tư, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng GD-ĐT, phát huy truyền thống hiếu học của con em nhân dân trong Vùng tạo cơ sở cho việc lãnh đạo phát triển>NNLCLC của từng tỉnh, thành phố và toàn Vùng.

Thứ năm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng GD-ĐT, phát huy truyền thống hiếu học của con em nhân dân trong Vùng, tạo cơ sở cho việc lãnh đạo phát triển>NNLCLC của từng tỉnh, thành phố và toàn Vùng.

4.2. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA CÁC TỈNH ỦY, THÀNH ỦY Ở VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO ĐẾN THỜI GIAN TỚI

4.2.1. Tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là tỉnh ủy, thành ủy, cán bộ chủ chốt các tổ chức trong hệ thống chính trị về sự cần thiết tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy, thành ủy đối với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Một là, tập trung tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của phát triển>NNL,>NNLCLC trong ban chấp hành (BCH), BTVTU các tỉnh, thành phố Vùng kinh tế về nhiệm vụ phát triển>NNLCLC.

Hai là, tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của chính quyền, MTTQ và các tổ chức CT-XH về tính tất yếu phải thực hiện nhiệm vụ phát triển>NNLCLC.

Ba là, BCH, BTVTU các tỉnh, thành ủy cần tăng cường công tác quán triệt, nâng cao nhận thức cho người đứng đầu, cán bộ thuộc diện ban thường vụ quản lý về tầm quan trọng của công tác phát triển>NNLCLC.

Bốn là, phải đổi mới mạnh mẽ việc tuyên truyền, học tập, quán triệt nghị quyết về phát triển NNLCCLC.

4.2.2. Nâng cao trình độ mọi mặt và năng lực lãnh đạo của các tỉnh ủy viên, thành ủy viên, ủy viên ban thường vụ tỉnh, thành ủy ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy đối với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

4.2.2.1. Nâng cao trình độ mọi mặt của các tỉnh ủy viên, thành ủy viên, ủy viên ban thường vụ tỉnh, thành ủy ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy đối với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn đối với đội ngũ tỉnh ủy viên, thành ủy viên nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao của công tác.

Thứ hai, tăng cường đào tạo, nâng cao nhận thức lý luận chính trị đối với đội ngũ tỉnh ủy viên, thành ủy viên.

Thứ ba, tạo bước đột phá trong đào tạo ngoại ngữ cho đội ngũ tỉnh ủy viên, thành ủy viên.

Thứ tư, tăng cường bồi dưỡng định kỳ về kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ tỉnh ủy viên, thành ủy viên, nhất là đối với những lĩnh vực mới trong lãnh đạo, quản lý.

4.2.2.2. Nâng cao năng lực lãnh đạo của các tỉnh ủy viên, thành ủy viên, ủy viên ban thường vụ tỉnh, thành ủy ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy đối với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Thứ nhất, mỗi tỉnh ủy viên, thành ủy viên cần tiếp tục nâng cao khả năng nghiên cứu sâu, quán triệt nghiêm túc, nhận thức đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chủ trương, nghị quyết của tỉnh ủy, thành ủy ở địa phương về lãnh đạo phát triển NNLCCLC.

Thứ hai, tiếp tục nâng cao năng lực của các tỉnh, thành ủy viên về công tác tư tưởng, tạo sự thống nhất nhận thức của cấp ủy, chính quyền nơi mình giữ cương vị lãnh đạo, quản lý đối với các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, thành ủy và cấp ủy cấp mình về công tác phát triển NNLCCLC.

Thứ ba, nâng cao khả năng lãnh đạo chính quyền, tập thể lãnh đạo, quản lý cơ quan, đơn vị trong cụ thể hoá các nghị quyết, quyết định về phát triển NNLCCLC, xác định giải pháp thực hiện.

Thứ tư, các tỉnh ủy viên, thành ủy viên tiếp tục lan tỏa tinh thần nêu gương, đi đầu trong tổ chức thực hiện, khơi dậy quyết tâm, sự đồng lòng trong mỗi cơ quan đơn vị về quyết tâm chính trị; gương mẫu trong thực hiện, vận động HTCT cùng vào cuộc.

4.2.3. Đổi mới việc xây dựng, ban hành, quán triệt và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, thành ủy, ban thường vụ tỉnh, thành ủy ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Thứ nhất, các tỉnh ủy, thành ủy Vùng kinh tế cần bám sát các chủ trương, nhiệm vụ đột phá của Ban Chấp hành Trung ương, của tỉnh ủy, thành ủy để từ đó đề ra các chủ trương, nghị quyết phù hợp với từng địa phương cụ thể.

Thứ hai, các tỉnh, thành ủy cần chú trọng các bước của công tác chuẩn bị ban hành nghị quyết về phát triển NNLCCLC.

Thứ ba, cần quan tâm đến khâu tham vấn, tư vấn, lấy ý kiến chuyên gia trong việc ban hành nghị quyết về phát triển NNLCCLC của các tỉnh ủy, thành ủy.

Thứ tư, thực hiện nghiêm túc các bước biên soạn dự thảo đề án, nghị quyết về phát triển NNL chất lượng cao.

Thứ năm, tổ chức tốt các hội nghị thông qua dự thảo nghị quyết của của BCH, BTVTU.

Thứ sáu, tăng cường công tác lãnh đạo của tỉnh ủy, thành ủy đối với việc quán triệt, xây dựng các kế hoạch, chương trình hành động thực hiện nghị quyết của HTCT.

4.2.4. Tiếp tục nâng cao chất lượng lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy đối với chính quyền các cấp trong việc cụ thể hóa, thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết của tỉnh ủy, thành ủy thành các nghị quyết, đề án, kế hoạch, chương trình hành động thực hiện phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở tỉnh, thành phố

Một là, lãnh đạo HĐND, UBND kịp thời cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết, trong đó, cần chỉ đạo HĐND, UBND kịp thời, chủ động xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án về phát triển NNLC trong từng giai đoạn của nhiệm kỳ đại hội.

Hai là, chú trọng đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành của các tỉnh ủy, thành ủy đối với bộ máy chính quyền các cấp, trong đó đề cao trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị và sự năng động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong công tác phát triển NNLC.

Ba là, nâng cao năng lực xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy hoạch, đề án, chương trình, cơ chế, chính sách, tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển NNL.

Bốn là, quan tâm lãnh đạo HĐND, UBND trong xây dựng các đề án, chương trình phát triển NNLC đối với các ngành lĩnh vực đột phá, các đối tượng NNLC mang yếu tố nền tảng và dẫn dắt NNL phát triển đi kèm với các chính sách đãi ngộ tương xứng.

4.2.5. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy, thành ủy đối với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Thứ nhất, các cơ quan tham mưu của các tỉnh ủy, thành ủy, sở nội vụ và HTCT các cấp cần tổ chức rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ của các cơ quan trong HTCT.

Thứ hai, các tỉnh ủy, thành ủy xây dựng các kế hoạch, đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Thứ ba, các tỉnh, thành phố cần chú trọng kết hợp công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ công chức cả về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ kỹ năng nghề nghiệp.

Thứ tư, các tỉnh, thành phố cần có những chính sách thu hút NNLC mang tính đột phá. Nghiên cứu, xây dựng và ban hành chính sách thu hút nhân tài cho Vùng kinh tế.

Thứ năm, chú trọng đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ đối với đội ngũ cán bộ để đáp ứng yêu cầu, điều kiện học tập, làm việc trong môi trường quốc tế.

Thứ sáu, gắn đào tạo, bồi dưỡng với “giữ chân” người tài trong HTCT của các tỉnh, thành phố.

4.2.6. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng cán bộ các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy; sở Khoa học và Công nghệ; các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của địa phương; phát huy vai trò của các cơ quan này trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

4.2.6.1. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng cán bộ các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh, thành ủy; phát huy mạnh mẽ vai trò của các cơ quan này trong tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy, thành ủy đối với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Thứ nhất, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan tham mưu, nhất là ban tổ chức tỉnh ủy, văn phòng tỉnh ủy, thành ủy.

Thứ hai, nghiên cứu sắp xếp, kiện toàn hoặc thành lập thêm các cơ quan chuyên trách (nhưng không thêm đầu mối, đơn vị mới) về tham mưu phát triển NNLCLC.

Thứ ba, tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu đối với lĩnh vực phát triển NNLCLC.

Thứ tư, cần tiến hành sơ kết, tổng kết hoạt động tham mưu của của các cơ quan tham mưu có liên quan

4.2.6.2. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng cán bộ sở khoa học và công nghệ, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của tỉnh, thành phố; phát huy vai trò nòng cốt của các tổ chức này trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Thứ nhất, các sở KH-CN cần nghiêm túc hơn nữa trong việc học tập, quán triệt và nghiên cứu sâu các chủ trương, nghị quyết của Đảng các cấp, nhất là các chủ trương, nghị quyết liên quan đến công tác phát triển NNLCLC.

Thứ hai, tăng cường hơn nữa công tác tham mưu cho các tỉnh ủy, thành ủy về các cơ chế, chính sách sát, đúng trong phát triển NNLCLC.

Thứ ba, chăm lo xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu đối với lĩnh vực phát triển NNLCLC.

Thứ tư, chú trọng xác định lợi thế, chuyên ngành đặc thù trong đào tạo NNLCLC đối với các cơ sở đào tạo NNLCLC của Vùng kinh tế.

Thứ năm, phát huy vai trò tư vấn, phản biện của các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu đối với công tác phát triển NNLCLC.

4.2.7. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, thành ủy, ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

4.2.7.1. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh, thành ủy, ban thường vụ tỉnh, thành ủy về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Thứ nhất, MTTQ và các tổ chức CT-XH cần tiếp tục thể hiện và phát huy tốt vai trò của mình trong tham gia xây dựng các nghị quyết, chủ trương, đề án phát triển NNLCLC.

Thứ hai, phát huy tốt vai trò của MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác phát triển NNLCLC.

Thứ ba, tiếp tục phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức CT-XH trong việc tham gia sơ kết, tổng kết, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết về phát triển NNLCLC.

Thứ tư, các tỉnh ủy, thành ủy cần quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác Mặt trận cũng như đội ngũ cán bộ của các tổ chức CT-XH nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

4.2.7.2. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh, thành ủy, ban thường vụ tỉnh, thành ủy về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Thứ nhất, tăng cường nâng cao nhận thức của người đứng đầu của HTCT về vai trò của công tác kiểm tra, giám sát đối với việc thực hiện chủ trương, nghị quyết về phát triển NNLCLC.

Thứ hai, các tỉnh ủy, thành ủy cần chú trọng xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát về công tác tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết về phát triển NNLCLC.

Thứ ba, cần tổ chức kiểm tra, giám sát theo đúng chương trình, kế hoạch, khi cần có thể kiểm tra đột xuất đối với các chủ trương, nghị quyết về NNLCLC.

Thứ tư, hết sức chú ý coi trọng việc chỉ ra những ưu điểm cần phát huy, những thiếu sót, hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện.

4.2.8. Tăng cường sự lãnh đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, tạo thuận lợi của các ban, ngành Trung ương; sự phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng, các trường đại học, viện nghiên cứu và các tỉnh, thành phố trong cả nước; đẩy mạnh hợp tác quốc tế để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

4.2.8.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, tạo thuận lợi của các cơ quan, ban, ngành Trung ương đối với tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh, thành ủy ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đối với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Thứ nhất, Bộ Chính trị cần quan tâm ban hành các nghị quyết về phát triển các tỉnh, thành phố trong Vùng kinh tế nhằm tạo động lực cho sự phát triển về KT-XH của từng tỉnh, thành phố trong Vùng kinh tế.

Thứ hai, Chính phủ quan tâm sửa đổi một số chủ trương, chính sách về phát triển NNLCLC.

Thứ ba, hoàn thiện đồng bộ, thống nhất về bộ tiêu chí NNLCLC.

Thứ tư, quan tâm đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng hoạt động một số cơ sở đào tạo NNL lớn của Vùng kinh tế.

4.2.8.2. Coi trọng sự phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng và các tỉnh, thành phố trong cả nước trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Thứ nhất, cần tạo sự thông nhất về nhận thức ngày càng cao hơn nữa về tính tất yếu của sự phối hợp, liên kết trong phát triển NNLCLC.

Thứ hai, đẩy mạnh hoạt động của Hội đồng Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đáp ứng yêu cầu liên kết vùng.

Thứ ba, tập trung các nguồn lực hình thành các trung tâm đào tạo, định hướng phát triển NNLCLC cho tương lai ở Vùng kinh tế.

Thứ tư, đẩy mạnh công tác trao đổi, tọa đàm, hội nghị chuyên đề về phát triển NNLCLC giữa các tỉnh, thành phố của Vùng kinh tế.

Thứ năm, đẩy mạnh ký kết các thỏa thuận về đào tạo NNLCLC giữa các tỉnh, thành phố của Vùng kinh tế.

4.2.8.3. Đẩy mạnh việc phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu trong cả nước và hợp tác quốc tế trong điều kiện cho phép để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Thứ nhất, quan tâm đến việc ký kết, phối hợp với các đại học lớn của cả nước trong việc phối hợp đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo chuẩn, kiểm định chất lượng giáo dục đối với các trường đại học địa phương.

Thứ hai, phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học lớn mà cụ thể là Đại học Quốc gia Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh trong công tác đào tạo>NNLCLC.

Thứ ba, tăng cường liên kết với các cơ sở đào tạo ở nước ngoài trong phát triển>NNLCLC của Vùng kinh tế.

Thứ tư, tăng cường thực hiện cơ chế hợp tác, tư vấn chuyên gia trong phát triển>NNLCLC của Vùng kinh tế.

KẾT LUẬN

Nắm bắt xu thế phát triển chung cũng như nhằm phát huy tốt nhất nhân tố con người – một trong 03 nhân tố và là nhân tố quan trọng nhất thúc đẩy sự phát triển của đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn đặt vấn đề phát triển NNLCLC ở một vị trí hết sức quan trọng trong các định hướng phát triển của đất nước qua các nhiệm kỳ đại hội Đảng nhất là từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (1991) đến nay. Trên cơ sở đó, trong nhiều nhiệm kỳ qua, các tỉnh ủy, thành ủy trong cả nước nói chung, các tỉnh ủy, thành ủy ở VKTTĐ miền Trung đã cụ thể hóa nhiệm vụ phát triển NNLCLC thành các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá cần phải tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy nhằm mục đích phát triển nhanh và bền vững KT-XH, QP, AN của Vùng kinh tế. Bởi lẽ, những địa phương như các tỉnh của Vùng Kinh tế với vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tài nguyên không thật sự ưu đãi thì nguồn lực con người sẽ là nguồn lực quan trọng nhất cho sự phát triển. Vì vậy việc tiếp tục tăng cường và phát huy vai trò lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy VKTTĐ miền Trung đối với công tác phát triển NNLCLC trong giai đoạn hiện nay là yêu cầu hết sức cấp thiết.

Phát triển NNLCLC ở các tỉnh, thành phố VKTTĐ miền Trung là hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp trong các tỉnh, thành phố với sự tham gia của các tổ chức CT-XH, cán bộ, đảng viên, các tổ chức lực lượng có liên quan và nhân dân ở các tỉnh, thành phố trong Vùng để NNLCLC của từng tỉnh, thành phố có số lượng, cơ cấu hợp lý và có chất lượng trong mối quan hệ với phát triển NNLCLC của toàn Vùng, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển KT-XH, QP, AN của từng tỉnh, thành phố và toàn Vùng, góp phần vào sự phát triển vững mạnh của đất nước.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, công tác lãnh đạo phát triển NNLCLC của các tỉnh ủy, thành ủy VKTTĐ miền Trung thời gian qua đã có nhiều chuyển biến tích cực thể hiện trên cả hai phương diện nội dung lãnh đạo và phương thức lãnh đạo. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, công tác lãnh đạo phát triển NNLCLC của các tỉnh ủy, thành ủy vẫn còn nhiều hạn chế, khuyết điểm nhất định. Nguyên nhân của những hạn chế thuộc về cả khách quan lẫn chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu. Từ quá trình lãnh đạo công tác phát triển NNLCLC của các tỉnh ủy, thành ủy Vùng kinh tế, có thể rút ra một số kinh nghiệm có giá trị sau: *Một là*, các tỉnh, thành ủy, BTVTU nhận thức sâu sắc, đầy đủ, thống nhất về phát triển NNLCLC của các tỉnh, thành phố hiện nay. *Hai là*, các tỉnh ủy, thành ủy bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương về chủ trương, định hướng phát triển KT-XH và các quan điểm, mục tiêu về phát triển NNLCLC của các Vùng kinh tế để đề ra các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp sát, đúng. *Ba là*, hết sức coi trọng việc tập trung lãnh đạo, chỉ đạo HTCT mà nhất là HĐND, UBND cùng cấp trong việc cụ thể hóa, thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, nghị quyết của các tỉnh ủy, thành ủy về phát triển NNLCLC. *Bốn là*, tỉnh ủy, thành ủy coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới toàn diện chất lượng GD-ĐT, giáo dục phổ thông, dạy nghề, cao đẳng, đại học, trường chính trị của tỉnh, thành phố. *Năm là*, tỉnh ủy, thành ủy, tích cực, chủ động trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt sự phối hợp các tỉnh, thành ủy trong VKTTĐ miền Trung trong lãnh đạo phát triển NNLCLC. *Sáu là*, các tỉnh, thành ủy VKTTĐ miền Trung trong coi trọng sự hỗ trợ của các cơ quan Trung ương và các cơ quan khác có liên quan trong lãnh đạo phát triển NNLCLC.

Trong phạm vi nghiên cứu của Luận án, căn cứ vào thực trạng, nguyên nhân, kinh nghiệm của công tác lãnh đạo phát triển>NNLCLC, tác giả đã mạnh dạn đề xuất 08 nhóm giải pháp tăng cường công tác lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy Vùng kinh tế đối với công tác này bao trùm trên các nội dung (1) Tiếp tục nâng cao nhận thức về vai trò của>NNLCLC và vai trò lãnh đạo của cấp ủy tỉnh, thành phố; (2) Nâng cao trình độ mọi mặt và năng lực lãnh đạo của chủ thể lãnh đạo mà trực tiếp là các đồng chí tỉnh ủy viên, thành ủy viên các tỉnh ủy, thành ủy Vùng kinh tế; (3) Đổi mới việc xây dựng, ban hành, quán triệt và lãnh đạo chỉ đạo thực hiện các nghị quyết về phát triển>NNLCLC của các tỉnh ủy, thành ủy theo đúng tinh thần Nghị quyết số 28-NQ/TW về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; (4) Nâng cao chất lượng lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy đối với chính quyền các cấp trong việc cụ thể hóa, thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết của tỉnh ủy, thành ủy về phát triển>NNLCLC ở tỉnh, thành phố; (5) Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ, nhất là nhiệm vụ phát triển>NNLCLC; (6) Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng cán bộ các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng>NNLCLC; (7) Phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH và nhân dân trong thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, thành ủy, trong đó có nghị quyết về phát triển>NNLCLC; (8) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước cũng như huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho công tác phát triển>NNLCLC.

Tuy vậy, kết quả nghiên cứu của tác giả cũng chỉ đóng góp thêm một khía cạnh của sự tổng hợp, đánh giá khách quan hơn của người nghiên cứu và từ đó đề xuất hệ thống giải pháp ít chịu sự chi phối hơn bởi các yếu tố chủ quan khi không ở “vai” chủ thể lãnh đạo. Tác giả cũng nhận thức rằng, vấn đề lãnh đạo phát triển>NNLCLC nói chung và của các tỉnh, thành VKTTĐ miền Trung là một vấn đề khó, đặt ra hàng loạt các mối quan hệ lớn chưa thể giải quyết triệt để trong một hoặc hai nhiệm kỳ đến và tác giả sẽ tiếp tục theo đuổi hướng nghiên cứu trên sau khi đã kết thúc Luận án của cá nhân.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Đỗ Tiến Cần, *Nâng cao chất lượng phát triển nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị ở tỉnh Quảng Ngãi hiện nay*. Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông, Số chuyên đề 2 (ISSN: 1859-1485), Học viện Báo chí và Tuyên truyền, 2021.
2. Đỗ Tiến Cần, *Phát triển nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị - Nhiệm vụ trọng tâm đưa Lý Sơn phát triển mạnh về kinh tế, vững về quốc phòng, an ninh*. Tạp chí Khoa học Tài chính Kế toán, Số tháng 1/2022 (ISSN: 2354-0958), Trường Đại học Tài chính - Kế toán, 2022.
3. Đỗ Tiến Cần, “Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông*, Chuyên đề số 2/2023 (ISSN: 1859-1485), Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
4. Đỗ Tiến Cần, “Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ngang tầm nhiệm vụ”, *Tạp chí Lý luận chính trị (điện tử)*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ngày 19/11/2023 (ISSN: 2525-2607). Địa chỉ: <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/thuc-tien/item/5362-dang-bo-tinh-quang-ngai-xay-dung-doi-ngu-can-bo-lanh-dao-quan-ly-ngang-tam-nhiem-vu.html>
5. Đỗ Tiến Cần, “*Bảo đảm sự chuyển tiếp, liên tục, vững vàng giữa các thế hệ cán bộ thuộc diện BTV Tỉnh ủy, thành ủy quản lý ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung hiện nay*”. Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông, Chuyên đề số 1/2024 (ISSN: 1859-1485), Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
6. Đỗ Tiến Cần – Trần Thị Bảo Châu, “*Gắn công tác đào tạo, bồi dưỡng với công tác quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao hiệu quả bố trí, sử dụng bán bộ sau đào tạo*”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp tỉnh: “*Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của Trường Chính trị tỉnh và Trung tâm Chính trị cấp huyện đối với đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức thuộc hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở góp phần thực hiện mục tiêu phát triển tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030*”, Trường Chính trị tỉnh – Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy – Ban Tổ chức Tỉnh ủy Quảng Ngãi, 2024.
7. Đỗ Tiến Cần – Lê Quang Huy, “*Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển Quảng Ngãi bền vững dựa trên nền tảng đẩy mạnh khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo*”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp tỉnh: “*Phát triển Quảng Ngãi bền vững theo hướng đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; thực hiện chuyển đổi số, tăng trưởng xanh và đa dạng*”, Liên hiệp Các hội Khoa học và kỹ thuật tỉnh – Trường Chính trị tỉnh Quảng Ngãi, 2024.